

Bản án số: **113** /2018/HNGĐ - ST

Ngày 28/8 /2018

V/v tranh chấp Ly hôn, giao nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Lương Văn Núi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Văn Vận – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Quỳnh hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2018-TLST/HN&GD ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, giao nuôi con theo quyết định đưa vụ ra xét xử số 38 /QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Vi Thị Nh**, sinh 1988.

Địa chỉ: Xóm N, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Lô Văn M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm N, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Hiện nay đang chấp hành án tại: Phân trại 1, Trại giam XH – Tổng cục VIII – Bộ Công an- Thuộc địa phận xã Th L, huyện Th H, tỉnh Hà Tĩnh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vi Thị Nh trình bày: Chị Nh và anh M, kết hôn vào ngày 14/02/2011, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại ủy ban

nhân dân xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M nghiện ma túy, chị Nh đã đưa đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh M không sửa đổi, vẫn tiếp tục tái nghiện và hiện nay anh M đang phải chấp hành án phạt tù tại Phân trại 1, Trại giam X H, Tổng cục VIII, Bộ Công an (đóng trên địa bàn xã Th L, huyện Th H, tỉnh Hà Tĩnh). Do tình cảm không còn, sống chung với anh M không có hạnh phúc và không có tương lai, nên chị Nh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Nh và anh M có 1 người con chung: Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011, chị Nh yêu cầu được giao nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nh xác định không có nợ chung.

Anh Lô Văn M có đơn xin vắng mặt và trình bày: Anh M và chị Nh kết hôn vào ngày 14/02/ 2011, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì. Do hiện nay, anh M đang phải chấp hành án phạt tù, nên hôn nhân giữa anh và chị Nh không thể kéo dài và không có hạnh phúc. Do đó, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh M đề nghị giao con chung là Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M xác định không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam X H- Tổng cục VIII - Bộ Công An và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Chị Vi Thị Nh được ly hôn anh Lô Văn M.

Về con chung: Giao cháu Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011, cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M; Về tài sản

chung chị Nh và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Vi Thị Nh phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Vi Thị Nh khởi kiện xin ly hôn với anh Lô Văn M, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Do đó, vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Nh và anh Lô Văn M kết hôn tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định, sau khi kết hôn, anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M nghiện ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù trại giam X H. Tổng cục VIII – Bộ Công an. Chị Nh xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Anh Lô Văn M xác định hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù, nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xử cho chị Vi Thị Nh được ly hôn anh Lô Văn M.

[3] Về giao nuôi con chung: Chị Nh và anh M có một người con chung Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011. Chị Nh và anh M thống nhất giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nh không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Như vậy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nh và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Vi Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Chị Vi Thị Nh được ly hôn anh Lô Văn M.

[2] Về giao nuôi con chung: Giao con chung, Lô Vi Gia H, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Vi Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lô Văn M. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị Nh và anh Lô Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Vi Thị Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ do đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007096 ngày 26/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Th, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nghệ